

Số: 1409/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1209/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Võ Văn A; sinh ngày: ...; căn cước công dân số:; địa chỉ: căn hộ 5.06 lô D, đường số N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Ly N; sinh ngày: ...; căn cước công dân số:; địa chỉ: số 637/36/6/2 đường T, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2.] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyền số 01/2014 cấp ngày 03/04/2014 do phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)

Minh) cấp cho ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N 02 (hai) con chung: trẻ Võ Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 05/08/2014 và trẻ Võ Nguyễn Khánh N2 sinh ngày 03/09/2020.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N về việc sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Ly N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Võ Nguyễn Thảo N1 và trẻ Võ Nguyễn Khánh N2.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Võ Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Võ Nguyễn Thảo N1 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng, trẻ Võ Nguyễn Khánh N2 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2026 đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N cùng xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng:

Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000125 ngày 01/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Văn A và bà Nguyễn Thị Ly N đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- VKSND khu vực 9-TP.HCM;
- UBND P. B, TP.HCM;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

Đào Tiến Trung